

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2024/HS-PT

Ngày: 19/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyền;

Ông Nguyễn Phan Nam.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà:** Bà Trần Thị Thanh Thủy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 1240/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Lương Mạnh H, do có kháng cáo của bị cáo; nguyên đơn dân sự đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 426/2023/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- **Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:**

Lương Mạnh H, sinh ngày 12/02/1968; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: F4, tổ A, ngõ A, phường K, quận H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc xí nghiệp E thuộc Công ty Cổ phần Đ; trình độ học vấn: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn T và bà Mai Thị D; có vợ là bà Ngô Thị H1 và 03 con (con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1998); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17/8/2016, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đình chỉ vụ án hình sự đối với Lương Mạnh H về tội “Cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”; bị bắt, tạm giam từ ngày 11/11/2022 đến nay tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Lương Văn N – Công ty L, thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt.

- **Nguyên đơn dân sự có kháng cáo:** Công ty Cổ phần Đ (ICIC); địa chỉ

trụ sở: Số A H, phường H, quận T, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Nhất T1 – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hồng G, sinh năm 1973; Trú tại: Số F, ngách G, Nguyễn Chí T2, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Chị Ngô Thị H1, sinh năm 1975; địa chỉ: F, tổ A, ngõ A, K, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/3/2018, Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ) gửi đơn đến Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố H tố cáo Lương Mạnh H - Nguyên là Giám đốc Xí nghiệp E thuộc Công ty Đ và các cá nhân liên quan có hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty Đ thông qua việc lập khống chứng từ quyết toán thi công công trình “Xây dựng nhà điều hành và hội trường thuộc Dự án Nhà điều hành sản xuất Công ty T5” (gọi tắt là Dự án TKV).

Quá trình điều tra xác định:

1. Pháp nhân Công ty: Công ty Đ, mã số đăng ký kinh doanh 0101482060, địa chỉ: số A phố H, phường T, quận T, Hà Nội. Công ty Đ có 36% vốn Nhà nước. Đại diện theo pháp luật là ông Đàm Xuân V – Tổng Giám đốc.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đ - Xí nghiệp E (gọi tắt là Xí nghiệp E) là đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Đ được thành lập theo Quyết định số 298/QĐ-TCLĐ ngày 28/4/2004 của Hội đồng quản trị Công ty Đ.

Xí nghiệp 5 có địa chỉ: số A phố H, phường T, quận T, Hà Nội. Mã số đăng ký kinh doanh: 0113005154, đăng ký lần đầu ngày 17/9/2004; đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26/5/2009. Đại diện pháp nhân của Chi nhánh là Lương Mạnh H - Giám đốc.

Chi nhánh hoạt động hạch toán kinh tế phụ thuộc, có tư cách pháp nhân không đầy đủ, có tài khoản thu chi tại Ngân hàng và có con dấu riêng để giao dịch theo phân cấp quản lý của Giám đốc Công ty Cổ phần Đ... Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Chi nhánh: Tổ chức, quản lý, sử dụng mọi nguồn lực của Chi nhánh để phát triển sản xuất kinh doanh, đảm bảo có hiệu quả, bảo toàn... ; là Chủ tài khoản Chi nhánh.

2. Hành vi sai phạm trong việc giả mạo, khai man, tài liệu kế toán:

Ngày 19/4/2010, Công ty Đ ký Hợp đồng số 276/HĐ-TTCO với Công ty T5 – TKV về việc xây dựng Dự án TKV. Tổng giá trị hợp đồng là 56.702.614.246đ.

Ngày 22/4/2010, ông Đàm Xuân V – Tổng Giám đốc Công ty Đ ký Giấy

ủy quyền số 57UQ-ICIC cho Lương Mạnh H – Giám đốc Xí nghiệp 5 về việc đại diện cho Công ty Đ quan hệ trực tiếp với Công ty T5 để tổ chức thực hiện hợp đồng, thanh quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng công trình: Gói thầu số 1 của Dự án TKV.

Trong khoảng thời gian từ ngày 04/01/2011 đến ngày 06/10/2011, Lương Mạnh H – Giám đốc Xí nghiệp E đã chỉ đạo Trần Văn P (sinh năm 1985, trú tại đội 11 Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định) là cháu ruột của H làm các giấy đề nghị tạm ứng số tiền 3.702.769.800đ của Xí nghiệp 5 dưới hình thức nhận tiền tạm ứng để sử dụng vào Dự án TKV. Mặc dù Trần Văn P chỉ là nhân viên kỹ thuật tại Xí nghiệp 5, không được giao nhiệm vụ tại Dự án TKV theo Quyết định giao nhiệm vụ số 120QĐ-XN5 ngày 25/4/2010 của Xí nghiệp 5, cũng như P không đủ điều kiện để đề nghị tạm ứng chi cho Dự án TKV.

Theo quy định của Xí nghiệp 5 về trình tự duyệt chi: Khi người đề nghị tạm ứng lập phiếu đề nghị tạm ứng; Giám đốc Lương Mạnh H duyệt chi; sau đó kế toán là Bùi Thị Lan K lập phiếu chi; Giám đốc Lương Mạnh H ký duyệt; Hoàng Thị T3 ký vào phần kế toán trưởng; Người đề nghị tạm ứng đến gặp thủ quỹ là Lê Thị H2 ký nhận tiền mặt, khi làm đề nghị tạm ứng phải có hóa đơn chứng từ đi kèm.

Tuy nhiên, Lương Mạnh H đã chỉ đạo Trần Văn P đứng tên trên 34 giấy đề nghị tạm ứng với nội dung đề nghị chi cho Dự án TKV mà không có chứng từ đi kèm. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lương Mạnh H, Trần Văn P đã ký tên trên 34 giấy đề nghị tạm ứng và ký nhận tiền mặt trên 36 phiếu chi với nội dung đề nghị tạm ứng chi vào Dự án TKV. Trên các Giấy đề nghị tạm ứng và phiếu chi đều có chữ ký duyệt của Giám đốc Lương Mạnh H, nhân viên phòng kế toán và chữ ký của P ký tại mục người nhận tiền tại 36 phiếu chi, với tổng số tiền đã nhận là 3.702.769.800đ. Toàn bộ số tiền này P giao lại hết cho Lương Mạnh H sử dụng.

Do Xí nghiệp 5 hoạt động hạch toán phụ thuộc nên đến tháng 3/2012, Công ty Đ tiến hành kiểm tra tài chính định kỳ tại Xí nghiệp 5 và phát hiện việc Xí nghiệp 5 đã duyệt 34 Giấy đề nghị tạm ứng và duyệt 36 phiếu chi tiền mặt do Trần Văn P đứng tên tạm ứng là sai do P không phải là Chủ nhiệm công trình trên. Sau đó, Lương Mạnh H đã chỉ đạo Đoàn Tuấn A là Chủ nhiệm công trình đến Phòng kế toán của Xí nghiệp 5 ký hợp thức lại thay tên người đề nghị tạm ứng từ Trần Văn P sang Đoàn Tuấn A trên 36 giấy đề nghị tạm ứng và ký nhận tiền trên 36 phiếu chi với nội dung đề nghị tạm ứng chi vào Dự án TKV với mục đích để quyết toán với Công ty Đ. Trên các Giấy đề nghị tạm ứng và phiếu chi này đều có chữ ký duyệt của Giám đốc Lương Mạnh H, phòng kế toán gồm: Hoàng Thị T3 (kế toán trưởng), Bùi Thị Lan K, Lê Thị H2 và chữ ký của Đoàn Tuấn A ký tại mục người nhận tiền mặt, cũng với tổng số tiền là 3.702.769.800đ. Phòng kế toán Xí nghiệp E và Đoàn Tuấn A thực hiện theo chỉ đạo của H đã ký hợp thức lại 36 Giấy đề nghị tạm ứng, 36 phiếu chi và thay thế người đề nghị tạm ứng từ Trần Văn P sang Đoàn Tuấn A trong Sổ quỹ tiền mặt của Xí nghiệp 5. Khi Đoàn Tuấn A ký hợp thức lại theo chỉ đạo của Lương

Mạnh H hoàn toàn không có việc giao nhận tiền vì việc giao nhận tiền đã được Trần Văn P ký nhận trước đó.

Do Đoàn Tuấn A thực hiện việc ký hợp thức lại theo chỉ đạo của Lương Mạnh H nên Đoàn Tuấn A đã giữ lại bộ chứng từ giấy đề nghị tạm ứng và phiếu chi đứng tên Trần Văn P nêu trên. Khi Công ty Đ làm đơn tố cáo hành vi của Lương Mạnh H, Đoàn Tuấn A đã giao nộp cơ quan điều tra 36 phiếu chi và 34 giấy đề nghị tạm ứng mà Trần Văn P là người đứng tên xin tạm ứng và ký nhận tiền.

Đến nay toàn bộ những khoản chi trên 36 Phiếu chi này đều không có chứng từ hoàn ứng, gây thất thoát cho Công ty Đ với số tiền là 3.702.769.800 đồng. Đoàn Tuấn A đã giao nộp cơ quan điều tra 36 phiếu chi và 34 giấy đề nghị tạm ứng mà Trần Văn P là người đứng tên đề nghị tạm ứng và ký nhận tiền. Trên 34 giấy đề nghị tạm ứng có chữ ký của P và chữ ký duyệt của Lương Mạnh H; trên 36 phiếu chi có chữ ký của Giám đốc - Lương Mạnh H; Hoàng Thị T3 - kế toán trưởng; Bùi Thị Lan K – người lập phiếu; Lê Thị H2 – Thủ quỹ; Trần Văn P – Người nhận tiền ký, cụ thể:

1. Phiếu chi số 02 ngày 04/01/2011: 20.000.000 đồng; ứng tiền đi công tác CT than Q;
2. Phiếu chi số 03 ngày 10/01/2011: 20.000.000 đồng; ứng TM cho CT than QN;
3. Phiếu chi số 17 ngày 28/01/2011: 250.000.000 đồng; chi ứng khối lượng Q;
4. Phiếu chi số 24a ngày 01/02/2011: 80.000.000 đồng; ứng Q;
5. Phiếu chi số 25 ngày 01/02/2011: 165.800.000 đồng; ứng tiền mua VT, Q;
6. Phiếu chi số 37 ngày 03/03/2011: 30.000.000 đồng; ứng tiền đi Quảng Ninh;
7. Phiếu chi số 47 ngày 25/03/2011: 240.000.000 đồng; ứng tiền CT than Quảng Ninh;
8. Phiếu chi số 55 ngày 29/03/2011: 25.000.000 đồng; ứng tiền CT than Quảng Ninh;
9. Phiếu chi số 56 ngày 03/04/2011: 18.944.800 đồng; ứng tiền mua sơn chống thấm, băng cản nước, bạt CT than QN;
10. Phiếu chi số 95 ngày 29/04/2011: 2.700.000 đồng; ứng tiền VC cấp pha CT QN;
11. Phiếu chi số 97 ngày 29/04/2011: 3.000.000 đồng; ứng tiền đi công tác CT QN;
12. Phiếu chi số 100 ngày 04/05/2011: 50.000.000 đồng; ứng tiền chi công trình than Q;
13. Phiếu chi số 110 ngày 16/05/2011: 20.000.000 đồng; ứng tiền CT than QN;
14. Phiếu chi số 111 ngày 17/05/2011: 15.000.000 đồng; ứng tiền cho CT than QN;
15. Phiếu chi số 114 ngày 20/05/2011: 465.000.000 đồng; ứng tiền cho CT than QN;
16. Phiếu chi số 116 ngày 25/05/2011: 22.500.000 đồng; ứng tiền mua và VC chân giáo CT than QN;
17. Phiếu chi số 117 ngày 25/05/2011: 50.000.000 đồng; ứng tiền cho CT than QN;
18. Phiếu chi số 120 ngày 31/05/2011: 31.400.000 đồng; ứng tiền mua chân giáo, dàn giáo, VC CT than QN;
19. Phiếu chi số 136 ngày 06/06/2011: 6.600.000 đồng; ứng tiền mua chân giáo, dàn giáo, VC CT than QN bổ sung nốt phần thiếu của ngày 31/5;
20. Phiếu chi số 137 ngày 06/06/2011: 29.000.000 đồng; ứng tiền chi CT than Quảng Ninh;
21. Phiếu chi số 162 ngày 24/06/2011: 135.000.000 đồng; ứng tiền cho Q;
22. Phiếu chi số 164 ngày 28/06/2011: 180.000.000 đồng; ứng tiền cho Q;
23. Phiếu chi số 172 ngày 30/06/2011: 8.000.000 đồng; ứng tiền chi Q;
24. Phiếu chi số 180 ngày 06/07/2011: 460.000.000 đồng; ứng tiền cho CT than QN;
25. Phiếu chi số 200 ngày 19/07/2011: 20.500.000 đồng; ứng tiền cho CT than QN;
26. Phiếu chi số

206 ngày 27/07/2011: 6.000.000 đồng; ứng tiền thuê xe vận chuyển vận thăng – CT than QN; 27. Phiếu chi số 209 ngày 02/08/2011: 11.000.000 đồng; ứng tiền mua cáp, con lăn trượt vận thăng CT than QN; 28. Phiếu chi số 211 ngày 03/08/2011: 30.000.000 đồng; ứng tiền cho CT than QN; 29. Phiếu chi số 214 ngày 05/08/2011: 80.000.000 đồng; ứng tiền cho CT than QN; 30. Phiếu chi số 237 ngày 26/08/2011: 17.325.000 đồng; ứng tiền mua bảo hộ lao động CT than QN; 31. Phiếu chi số 243 ngày 30/08/2011: 35.000.000 đồng; ứng tiền cho CT than QN; 32. Phiếu chi số 248 ngày 30/08/2011: 60.000.000 đồng; ứng tiền cho CT than QN; 33. Phiếu chi số 249 ngày 30/08/2011: 950.000.000 đồng; ứng tiền cho CT than QN; 34. Phiếu chi số 251 ngày 31/08/2011: 150.000.000 đồng; ứng tiền cho CT than QN; 35. Phiếu chi số 276 ngày 21/09/2011: 5.000.000 đồng; ứng tiền cho CT than QN; 36. Phiếu chi số 300 ngày 6/10/2011: 10.000.000 đồng; ứng tiền cho CT than QN.

Tại 36 Phiếu chi trên, Trần Văn P là người ký tại mục nhận tiền nhưng P khai P không nhận toàn bộ số tiền trên các phiếu chi này mà chỉ ký hợp thức theo chỉ đạo của Lương Mạnh H. P chỉ nhận tiền mặt với tổng số tiền là 120.000.000 đồng ứng với Phiếu chi số 3 ngày 10/01/2011; Phiếu chi số 100 ngày 4/5/2011; Phiếu chi số 117 ngày 25/5/2011. Sau đó toàn bộ số tiền 120.000.000 đồng này P đã bàn giao cho H nhưng không có giấy tờ biên nhận. P không được hưởng lợi mà làm theo chỉ đạo của Lương Mạnh H do H là cậu ruột của P.

Tại Cơ quan điều tra, Lương Mạnh H khai: Với vai trò là Giám đốc Xí nghiệp 5, liên quan đến các giấy đề nghị tạm ứng và phiếu chi nêu trên là do H chỉ đạo Trần Văn P đứng tên đề nghị và ký nhận tiền tại bộ phận kế toán để chi cho Dự án TKV. H không nhớ đã chi cho những hạng mục nào và hiện không có hóa đơn chứng từ hoàn ứng. Do H ký duyệt chi cho Trần Văn P đứng tên, không quyết toán được với Công ty Đ nên H đã chỉ đạo Đoàn Tuấn A ký hợp thức lại các giấy đề nghị tạm ứng và phiếu chi để thực hiện quyết toán với Công ty Đ. H nhận thức được hành vi sai phạm của cá nhân.

Quá trình điều tra, Đoàn Tuấn A khai: Liên quan đến 36 phiếu chi và 34 giấy đề nghị tạm ứng đứng tên Trần Văn P là do P đã ký nhận tiền mặt tạm ứng do phòng kế toán chi. Do quá trình hoàn tất thủ tục chứng từ giữa Xí nghiệp E và Công ty Đ, Công ty Đ không chấp nhận các giấy đề nghị tạm ứng và 36 phiếu chi đứng tên Trần Văn P vì P không có chức năng tại Dự án. Do vậy, H đã đề nghị Tuấn A ký lại là người đứng tên trên giấy đề nghị tạm ứng và đứng tên trên 36 phiếu chi thay cho Trần Văn P để phù hợp với quy định của Công ty. Tuấn A đã đồng ý ký tên trên bộ chứng từ này mà không có mục đích tư lợi, số chứng từ này không có hóa đơn hoàn ứng. Việc Tuấn A ký lại là để hợp thức, Tuấn A hoàn toàn không nhận tiền mặt như nội dung phiếu chi thể hiện. Sau đó Tuấn A giữ lại bộ chứng từ mang tên Trần Văn P và đã giao nộp Cơ quan điều tra.

Đối với các nhân viên kế toán của Xí nghiệp 5 gồm: Hoàng Thị T3, Bùi Thị Lan K và Lê Thị H2, quá trình điều tra đều khai nhận: Từ ngày 04/01/2011 đến ngày 06/10/2011, Lương Mạnh H - Giám đốc Xí nghiệp E đã chỉ đạo Trần

Văn P (là cháu ruột) làm giấy đề nghị tạm ứng tiền mặt với tổng số tiền là 3.702.769.800 đồng để sử dụng vào công trình nhà điều hành sản xuất Công ty T5 qua 36 phiếu chi, không có chứng từ hoàn ứng. Do Công ty Đ phát hiện việc P không được phép tạm ứng do P không phải là nhân viên thi công của Dự án TKV. Lương Mạnh H đã chỉ đạo các nhân viên phòng kế toán và Đoàn Tuấn A ký hợp thức lại bằng cách thay tên người đề nghị tạm ứng (trên 34 giấy) từ Trần Văn P sang Đoàn Tuấn A với 36 phiếu chi với tổng số tiền là 3.702.769.800đ. Sau đó, Phòng kế toán đã nhiều lần yêu cầu H và P hoàn chứng từ. Nhưng H và P vẫn không có chứng từ hoàn ứng cho phòng kế toán. Các nhân viên kế toán khẳng định P là người nhận toàn bộ số tiền mặt theo 36 phiếu chi trên, việc P sử dụng số tiền này vào mục đích gì các nhân viên kế toán không biết.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tiến hành làm việc với đại diện Công ty Đ và được Công ty Đ cung cấp:

- Gói thầu số 1: Xây dựng Nhà điều hành và hội trường thuộc Dự án Nhà điều hành sản xuất Công ty T5 – T5 đã được quyết toán và thanh lý giữa Công ty cổ phần Đ với Công ty T5 – TKV.

- Căn cứ Bảng tổng hợp quyết toán lập tại Quảng Ninh ngày 28/9/2015 và Biên bản thanh lý hợp đồng số 276/HĐ–TTCO ngày 19/4/2010 và các phụ lục hợp đồng với giá trị 60.083.925.167 đồng (đã có VAT) vào ngày 12/01/2016.

- Liên quan đến 36 phiếu chi và giấy đề nghị tạm ứng: Từ tháng 01/2011 đến tháng 10/2011, Lương Mạnh H đã nhiều lần chỉ đạo Trần Văn P đề nghị nhận số tiền 3.702.769.800 đồng (tương ứng 36 phiếu chi, có bảng kê đính kèm). Các khoản chi này không có hóa đơn chứng từ để hoàn ứng; gây thiệt hại cho Công ty số tiền 3.702.769.800 đồng.

- Toàn bộ việc chi tiền nêu tại 36 phiếu chi trên không được chủ đầu tư quyết toán vào công trình: Xây dựng Nhà điều hành và hội trường thuộc Dự án Nhà điều hành sản xuất Công ty T5 – T5.

Tại Kết luận giám định số 8487/C09 – P5 ngày 30/12/2021, V1 - Bộ C1 kết luận:

“...5.1. Chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Văn P dưới các mục “Người nhận tiền”, “Người đề nghị tạm ứng” trên 36 phiếu chi và 34 Giấy đề nghị tạm ứng đứng tên Trần Văn P; trên 36 phiếu chi và 36 Giấy đề nghị tạm ứng đứng tên Đoàn Tuấn A so với chữ ký, chữ viết của Trần Văn P là do cùng một người ký và viết ra.

5.2. Chữ ký, chữ viết đứng tên Đoàn Tuấn A dưới các mục “Người nhận tiền”, “Người đề nghị tạm ứng” trên 36 phiếu chi và 36 Giấy đề nghị tạm ứng đứng tên Đoàn Tuấn A so với chữ ký, chữ viết của Đoàn Tuấn A là do cùng một người ký và viết ra.

5.3. Chữ ký dưới các mục “Giám đốc”, “Thủ trưởng” trên 36 phiếu chi và 34 Giấy đề nghị tạm ứng đứng tên Trần Văn P; trên 36 phiếu chi và 36 Giấy đề nghị tạm ứng đứng tên Đoàn Tuấn A so với chữ ký của Lương Mạnh H là do

cùng một người ký ra.

5.4. Chữ ký dưới mục “Kế toán trưởng” trên các phiếu chi cần giám định so với chữ ký của Hoàng Thị T3 là do cùng một người ký ra.

5.5. Chữ ký dưới mục “Thủ quỹ” trên 50 phiếu chi cần giám định so với chữ ký của Lê Thị H2 là do cùng một người ký ra.

5.6. Chữ ký dưới mục “Thủ quỹ” trên 22 phiếu chi cần giám định khác dạng so với chữ ký của Lê Thị H2 nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra hay không.

5.7. Chữ ký dưới mục “Người lập phiếu” trên các phiếu chi cần giám định so với chữ ký của Bùi Thị Lan K là do cùng một người ký ra”.

Ngày 18/7/2023, chị Ngô Thị H1 (vợ Lương Mạnh H) đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả số tiền 200.000.000 đồng thay cho H tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H xác định đối với Trần Văn P, Đoàn Tuấn A, Hoàng Thị T3, Bùi Thị Lan K và Lê Thị H2 đều là những nhân viên của Lương Mạnh H; làm theo sự chỉ đạo và không được hưởng lợi nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H không xem xét xử lý hình sự đối với các cá nhân này.

Tại Cáo trạng số 323/CT-VKS-P3 ngày 31/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố Lương Mạnh H về tội “Vi phạm quy định về kế toán, gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 3 Điều 221 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 426/2023/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

1. Tuyên bố: Lương Mạnh H phạm tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”.

2. Áp dụng: khoản 3 Điều 221; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lương Mạnh H 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/11/2022.

3. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự, buộc Lương Mạnh H phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Đ số tiền đã gây thiệt hại là 3.702.769.800 đồng (ba tỷ bảy trăm linh hai triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm đồng). Chị Ngô Thị H1 đã nộp khắc phục hậu quả cho bị cáo số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Do vậy, bị cáo Lương Mạnh H còn phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Đ số tiền 3.502.769.800 đồng (ba tỷ năm trăm linh hai triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2023, bị cáo Lương Mạnh H kháng cáo với nội dung xin giảm

nhẹ hình phạt.

Ngày 29/9/2023, nguyên đơn dân sự là Công ty Đ kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bị cáo Lương Mạnh H về tội “Tham ô tài sản”; tăng nặng hình phạt đối với bị cáo; cần phải xác định Công ty Đ là bị hại trong vụ án; xem xét kê biên ngôi nhà bị cáo đang đứng tên cùng vợ để đảm bảo việc thi hành án thu hồi khoản tiền 3.502.769.800 đồng cho Công ty cũng như cho Nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Lương Mạnh H giữ nguyên kháng cáo và thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm quy kết, bị cáo là Giám đốc Xí nghiệp 5, đơn vị hạch toán phụ thuộc vào Công ty Đ, được Công ty giao thực hiện gói thầu số 1 của Dự án TKV được ký giữa Công ty Đ và Công ty T5 – TKV ngày 19/4/2010; do tính chất công việc, nên trong năm 2011 bị cáo đã nhiều lần chỉ đạo Trần Văn P là nhân viên kỹ thuật của Xí nghiệp 5, các nhân viên ban tài chính kế toán của Xí nghiệp E tạm ứng với tổng số tiền là 3.702.769.800 đồng để đưa cho bị cáo phục vụ Dự án TKV. Năm 2012, Công ty Đ kiểm tra tài chính của Xí nghiệp 5 và cho rằng các phiếu tạm ứng và phiếu chi tiền mà Trần Văn P ký là không hợp lệ, nên bị cáo chỉ đạo Đoàn Tuấn A là chủ nhiệm Dự án TKV ký lại các giấy tờ tạm ứng và phiếu chi. Số tiền tạm ứng được, bị cáo sử dụng vào việc thực hiện Dự án TKV, không sử dụng vào mục đích cá nhân, nhưng không thể xuất trình được các hóa đơn chứng từ, nên đến nay không hoàn ứng được và không được quyết toán vào công trình. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” là đúng người, đúng tội, bị cáo không có ý kiến gì về tội danh mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt với lý do đã nhận thức được hành vi phạm tội, rất ăn năn hối cải, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực tác động gia đình huy động mọi nguồn lực để khắc phục hậu quả xảy ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

Đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn dân sự hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại đối với bị cáo về tội “Tham ô tài sản”, xác định Công ty Đ là bị hại, đồng thời kê biên tài sản của bị cáo là nhà đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng chung của vợ chồng bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng pháp luật, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Xét kháng cáo của bị cáo, nguyên đơn dân sự trong hạn luật định và hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Xét nội dung kháng cáo: Thời điểm xảy ra vụ án là năm 2011, thời điểm

đó Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 chưa có hiệu lực pháp luật, theo quy định pháp luật hình sự thời điểm năm 2011 thì bị hại là người bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra; nguyên đơn dân sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do tội phạm gây ra và có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại. Do đó, nguyên đơn dân sự đề nghị chuyển tư cách tham gia tố tụng sang người bị hại là không có căn cứ. Do đó, căn cứ Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, nguyên đơn dân sự không có quyền kháng cáo về hình phạt và tội danh đối với bị cáo, chỉ có quyền kháng cáo về trách nhiệm bồi thường của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chỉ xem xét nội dung kháng cáo này của nguyên đơn dân sự.

Xét việc bị cáo tại Tòa án cấp sơ thẩm đã bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền 200.000.000 đồng, tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo đã tác động gia đình tiếp tục bồi thường, khắc phục hậu quả thêm cho nguyên đơn dân sự tổng số tiền 200.000.000 đồng, mặc dù không lớn so với hậu quả của vụ án nhưng là nỗ lực của gia đình bị cáo khi hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ già, con nhỏ, kinh tế khó khăn. Việc thi hành án dân sự là trách nhiệm của Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, nên không xem xét, giải quyết đề nghị kê biên tài sản của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 12 năm tù là nghiêm khắc. Tại phiên tòa phúc thẩm, có tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo từ 6 tháng đến 01 năm tù, ghi nhận tự nguyện bồi thường bị cáo đã tác động gia đình.

Người bào chữa cho bị cáo Lương Mạnh H trình bày: Đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, hoàn cảnh bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ khác trong vụ án, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hơn nữa hình phạt cho bị cáo, giúp bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình và xã hội.

Căn cứ các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của luật sư, bị cáo, nguyên đơn dân sự,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đối với bị cáo, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thẩm quyền xét xử vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 269 Bộ luật Tố tụng hình sự; xác định đúng, đầy đủ tư cách người tham gia tố tụng theo quy định của luật tố tụng. Đơn kháng cáo của bị cáo Lương Mạnh H và nguyên đơn dân sự là Công ty Cổ phần Đ trong hạn luật định, được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lương Mạnh H khai

nhận hành vi như nội dung bản án sơ thẩm, thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng người, đúng tội, không oan. Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo thấy phù hợp với lời khai của những người liên quan trong vụ án, phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; kết luận giám định; cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận về hành vi của bị cáo như sau: Lương Mạnh H là Giám đốc Xí nghiệp E, là đơn vị hạch toán phụ thuộc vào Công ty Cổ phần Đ. Năm 2010, Công ty có giao cho Xí nghiệp E tổ chức thi công công trình xây dựng Nhà điều hành và hội trường thuộc Dự án Nhà điều hành sản xuất Công ty T5. Quá trình thực hiện hợp đồng xây dựng, từ ngày 04/01/2011 đến ngày 06/10/2011, bị cáo đã nhiều lần chỉ đạo anh Trần Văn P không phải là người được giao nhiệm vụ thực hiện dự án ký tạm ứng và ban tài chính kế toán của Xí nghiệp E chỉ tạm ứng cho bị cáo với tổng số tiền là 3.702.769.800 đồng để bị cáo chi vào các hoạt động xây dựng Dự án. Sau khi sử dụng số tiền trên, bị cáo không có hóa đơn chứng từ hoàn ứng nên đến nay không quyết toán được vào giá trị xây dựng công trình. Năm 2015, công trình được quyết toán; năm 2016, Công ty Cổ phần Đ đã thanh lý hợp đồng xây dựng Nhà điều hành và hội trường với Công ty T5 vào năm 2016.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, hành vi của bị cáo đã chỉ đạo người không có thẩm quyền, không được giao nhiệm vụ tại Dự án ký tạm ứng và Ban tài chính của Xí nghiệp E tạm ứng; quá trình Công ty Cổ phần Đ kiểm tra tài chính của Xí nghiệp E, xác định các phiếu tạm ứng và phiếu chi tiền không hợp lệ và yêu cầu hoàn tất thủ tục tạm ứng theo đúng quy định để quyết toán nên bị cáo chỉ đạo những người liên quan tại Xí nghiệp E ký lại các giấy tờ tạm ứng và phiếu chi để hợp thức hóa việc ứng tiền của bị cáo; vì vậy, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn về chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước, để tránh sự kiểm tra, kiểm toán của cơ quan chủ quản là Công ty Cổ phần Đ; đến nay, bị cáo không thể xuất trình được các hóa đơn chứng từ nên không hoàn ứng được và cũng không được quyết toán vào công trình, nên đã gây thiệt hại cho Công ty Cổ phần Đ số tiền 3.702.769.800 đồng.

Mặc dù hành vi của bị cáo xảy ra trước ngày 01/01/2018 nhưng ngày 16/3/2018, Công ty Cổ phần Đ mới gửi đơn tố cáo Lương Mạnh H và các cá nhân đến Cơ quan an ninh điều tra - Công an thành phố H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lương Mạnh H phạm tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 3 Điều 221 Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 0/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực của Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Quan điểm của nguyên đơn dân sự đề nghị xét xử bị cáo Lương Mạnh H về tội “Tham ô tài sản” và xác định Công ty Đ là bị hại là không có cơ sở chấp nhận do không phù hợp quy định pháp luật. Quan điểm của đại diện Viện kiểm

sát về việc không chấp nhận nội dung kháng cáo này của Công ty Đ là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Với hành vi phạm tội như phân tích nêu trên, với chức trách, nhiệm vụ là Giám đốc Xí nghiệp E có trách nhiệm quản lý và sử dụng vốn nên bị cáo Lương Mạnh H phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty Cổ phần Đ số tiền 3.702.769.800 đồng không hoàn ứng được. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty Cổ phần Đ với tư cách nguyên đơn dân sự là đúng quy định tại Điều 63 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Về tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, hoạt động đúng đắn về chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước, gây thiệt hại cho doanh nghiệp, nên cần phải xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật hình sự và xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, nhằm giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Quá trình xét xử sơ thẩm, bị cáo đã khai báo thành khẩn; ăn năn hối cải; bị cáo từng là quân nhân; gia đình có nhiều khó khăn: bố mẹ già, con gái bị trầm cảm rối loạn tâm thần; bị cáo có nhiều lần chỉ đạo việc ứng tiền, được thể hiện trên 36 phiếu chi, 34 giấy đề nghị tạm ứng mà Trần Văn P là người đứng tên tạm ứng và ký nhận tiền; do việc ứng tiền là sai quy định, không có hóa đơn chứng từ hoàn ứng, đã gây thất thoát cho Công ty Cổ phần Đ nhưng công trình mà bị cáo thực hiện đã hoàn thiện và đưa vào hoạt động; vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội với tình tiết định khung tăng nặng tương ứng tổng số tiền của tất cả các lần ứng tiền là 3.702.769.800 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đồng thời không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục tác động gia đình nộp tổng số tiền 200.000.000 đồng, thể hiện thái độ tích cực của bị cáo trong việc khắc phục hậu quả xảy ra, bị cáo cũng đã nộp 200.0000 đồng án phí hình sự sơ thẩm thể hiện thái độ chấp hành án của cơ quan tố tụng; ngoài ra, gia đình bị cáo nộp Giấy xác nhận ngày 25/6/2023 của UBND xã H thể hiện bị cáo Lương Mạnh H là người phụng dưỡng bà Phạm Thị C (vợ liệt sỹ Lương Xuân T4 hy sinh năm 1973) và có tham gia đóng góp xây dựng quê hương qua việc ủng hộ kinh phí đầu tư mặt bằng bê tông đường quốc lộ 21 vào đường gianh tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Như vậy, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh tại Tòa án cấp phúc thẩm, trên cơ sở cân nhắc, xem xét tới thái độ chấp hành pháp luật, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, thái độ khắc phục hậu quả, nhân thân của bị cáo thì có cơ sở để Hội đồng

xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, giúp bị cáo yên tâm cải tạo, có cơ hội sớm trở về với gia đình và xã hội nhưng vẫn đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[5] Về nội dung nguyên đơn dân sự kháng cáo đề nghị xem xét kê biên ngôi nhà bị cáo đang đứng tên cùng vợ bị cáo để đảm bảo việc thi hành án thu hồi khoản tiền 3.502.769.800 đồng cho Công ty cũng như cho Nhà nước, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Căn cứ Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “*Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phần nội dung của bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị. Nếu xét thấy cần thiết, có thể xem xét các phần khác của bản án, quyết định không bị kháng cáo, kháng nghị*”. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết kháng cáo về các nội dung mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết như viện dẫn nêu trên; trong khi đó, yêu cầu của nguyên đơn dân sự chưa được cấp sơ thẩm đề cập, nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét; tuy nhiên, nguyên đơn dân sự có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự xem xét, giải quyết trong giai đoạn thi hành án để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn dân sự.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Lương Mạnh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn dân sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn dân sự là Công ty Cổ phần Đ; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lương Mạnh H; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 426/2023/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về hình phạt đối với bị cáo Lương Mạnh H, cụ thể:

- Tuyên bố: Bị cáo Lương Mạnh H phạm tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”.

- Áp dụng khoản 3 Điều 221; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Lương Mạnh H 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/11/2022.

2. Ghi nhận bị cáo Lương Mạnh H đã tiếp tục bồi thường, khắc phục hậu

quả cho nguyên đơn dân sự tổng số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo các Biên lai thu tiền số 0023509 ngày 04/12/2023 và Biên lai thu tiền số 0023955 ngày 19/01/2024 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Bị cáo Lương Mạnh H còn phải tiếp tục bồi thường, khắc phục hậu quả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền 3.302.769.800 đồng (ba tỷ ba trăm linh hai triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm đồng). Xác nhận bị cáo Lương Mạnh H đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo Lương Mạnh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Nguyên đơn dân sự là Công ty Cổ phần Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002931 ngày 18/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Xác nhận Nguyên đơn dân sự là Công ty Cổ phần Đ đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Trại tạm giam Công an TP Hà Nội;
- Bị cáo (qua TTG);
- Nguyên đơn dân sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HC-TP TACCHN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thơm